

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2021/DS-ST**
Ngày 29-10-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Phường;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đoàn Sơn Lâm**

2. Bà **Trần Thị Diễm Châu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Mỹ Y** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Khổng Phúc Vĩnh Nhật** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 9 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 59/2021/TB -DS ngày 08 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Kim L**, sinh năm 1987

Nơi cư trú: ấp V, thị trấn T, huyện D, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Phạm Văn C**, sinh năm 1980; bà **Hà Thị A**, sinh năm 1981.

Cùng nơi cư trú: ấp A, xã L, huyện D, thành phố Cần Thơ.

(Bà L có mặt, ông C, bà A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Kim L trình bày như sau:

Vào ngày 30/11/2018 bà có cho ông C và bà A vay số tiền 30.000.000 đồng,

khi vay không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay đến ngày 31/5/2020 sẽ trả nợ. Việc vay tiền các bên có làm giấy mượn tiền ngày 30/11/2018, ông C và bà A cùng ký tên vào có ông Phạm Công P ký tên người làm chứng. Đến hạn ông C và bà A không trả nợ, nay bà yêu cầu ông C và bà A có trách nhiệm trả số tiền nợ vay 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), nợ lãi không yêu cầu.

Bị đơn ông Phạm Văn C và bà Hà Thị A trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông C và bà A đều vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Để chứng minh cho yêu cầu và ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Giấy mượn tiền ngày 30/11/2018

Người làm chứng ông Phạm Công P vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết ông trình bày như sau: Ông có quen với ông C và bà A, ông có giới thiệu cho ông C vay tiền của bà L số tiền 30.000.000 đồng, ông có ký tên người làm chứng trong Giấy mượn tiền ngày 30/11/2018 do nguyên đơn cung cấp, chữ ký ông C và bà A trong giấy mượn tiền trên là do ông C và bà A ký và viết ra, việc ông C và bà A có vay tiền của bà L là sự thật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Nguyễn Kim L khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn C và bà Hà Thị A có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng*”

vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông C, bà A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Nguyên đơn và bị đơn có làm giấy mượn tiền, có thời hạn trả nợ gốc cụ thể nhưng đến hạn trả nợ bị đơn không trả cho nguyên đơn là vi phạm, bị đơn đã bỏ đi khỏi nơi cư trú không thông báo cho chính quyền địa phương và không thông báo cho nguyên đơn biết địa chỉ nơi cư trú mới theo qui định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Nguyên đơn ghi địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn (ấp A, xã L, huyện D) đã cung cấp theo Giấy mượn tiền là đúng theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Bị đơn ông Phạm Văn C và bà Hà Thị A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn trong vụ án.

[4] Ngày 30/11/2018 các bên xác lập giao dịch, theo nguyên đơn đã hết thời hạn vay nhưng ông C, bà A không thanh toán số tiền nợ vay gốc là (ngày 31/5/2020)), tính đến ngày 13/01/2021 bà L khởi kiện vụ án còn trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày bà L biết quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà L còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét nội dung yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Ngày 30/11/2018 nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 30.000.000 đồng thời hạn đến ngày 31/5/2020 sẽ trả, lời khai này được thể hiện trong Giấy mượn tiền này 30/11/2018 nguyên đơn đã cũng cấp cho Tòa án. Xét “Giấy mượn tiền” ngày 30/11/2018 các bên đã lập và ký tên xác nhận trước sự chứng kiến của ông Phạm Công P. Ông P đã xác nhận đúng là chữ ký của ông C và bà A nên xác định Giấy mượn tiền ngày 30/11/2018 là có

thật. Do đó, có căn cứ xác định bị đơn có nợ nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng là sự thật.

[6] Từ những tình tiết và sự kiện nêu trên, có đủ cơ sở để xác định bị đơn có nợ số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) của nguyên đơn. Đến hạn thanh toán nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015: “...1. *Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn....*”. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông C và bà A phải thanh toán số tiền nợ gốc 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) là có cơ sở nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông C và bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng cũng như đề xuất nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 184; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 40, 277, 115, 117, 429, 466; 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối

- Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với ông Phạm Văn C và bà Hà Thị A: Buộc ông Phạm Văn C và bà Hà Thị A có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Kim L số tiền nợ vay là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả thì phải chịu lãi suất chậm trả, tính trên số nợ gốc theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

2.1 Ông Phạm Văn C và bà Hà Thị A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

2.2 Hoàn trả cho bà Nguyễn Kim L số tiền tạm ứng án phí 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 016618 ngày 13/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKS huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi THA dân sự huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.